

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI
TRUNG TÂM ĐÀO TẠO TỪ XA

DANH SÁCH SINH VIÊN K19A DỰ THI HẾT HỌC PHẦN I - TX.109

TỔ CHỨC TẠI: SỐ 25/84 NGUYỄN BÌNH KHIÊM, QUẬN.1, TP.HCM

NGÀY THI: 18/10/2008

S TT	MS SV	HỌ VÀ TÊN		NĂM SINH	NƠI SINH	TX.109				GHI CHÚ
						NGHE	NÓI	ĐỌC	VIẾT	
1	C.001	Nguyễn Hoàng	Ân	17/02/1984	Tiền Giang	7.0	6.0	5.0	4.0	
2	C.002	Võ Hoài	Ân	15/12/1984	Long An	5.0	7.0	7.0	5.0	
3	C.004	Nguyễn Thị Mai	Anh	03/02/1983	Cần Thơ	8.0	5.0	5.0	4.0	
4	C.003	Nguyễn Yển	Anh	18/03/1983	Tp. HCM.	5.0	7.0	6.0	5.0	
5	C.005	Phạm Thị Kim	Ánh	14/12/1987	Tp. HCM.	6.0	7.0	6.0	4.0	
6	C.007	Lâm Thị Hồng	Cẩm	27/04/1979	Đồng Tháp	6.0	5.0	5.0	5.0	
7	C.009	Nguyễn Thành	Châu	23/02/1985	Bình Thuận	5.0	5.0	4.0	3.0	Trượt
8	C.010	Đặng Bảo	Châu	07/01/1982	Tp. HCM.	5.5	8.0	9.0	6.0	
9	C.011	Đinh Huy	Cường	21/12/1987	Tp. HCM.	7.0	5.0	6.0	5.0	
10	C.012	Hồ Thị Minh	Đa	12/06/1963	Huế	5.0	7.0	4.0	5.0	
11	C.013	Phạm Quang	Đàn	20/09/1966	Sài Gòn	5.0	6.0	7.0	4.0	
12	C.014	Trần Thị Kim	Dàng	.1984.	Tiền Giang	6.0	4.0	4.0	3.0	Trượt
13	C.016	Nguyễn Hồng	Đào	17/05/1975	Sài Gòn	7.0	7.0	3.0	4.0	Trượt
14	C.015	Nguyễn Thị Bích	Đào	07/09/1983	Bình Định	5.5	7.0	4.0	5.0	
15	C.017	Võ Hoàng	Đạt	06/12/1987	Phan Thiết	6.0	6.0	3.0	3.0	Trượt
16	C.018	Lương Kim	Đạt	22/07/1979	Tp. HCM.	6.0	7.0	8.0	5.0	
17	C.019	Lý Thị Thuý	Diễm	16/10/1983	Trà Vinh	6.0	7.0	5.0	5.0	
18	C.021	Đồng Thị	Doãn	17/03/1981	Hải Phòng	5.0	7.0	8.0	4.0	
19	C.023	Nguyễn Thị Phương	Dung	12/07/1988	Vĩnh Long	5.0	5.0	3.0	4.0	Trượt
20	C.025	Trần Thanh	Dũng	17/02/1987	Tp. HCM.	7.0	6.0	6.0	5.0	
21	C.027	Nguyễn Hoàng	Dũng	08/03/1974	Bình Dương	6.0	6.0	5.0	4.0	
22	C.028	Phạm Ngọc	Dũng	19/08/1985	Hà Nam Ninh	8.0	6.0	4.0	5.0	
23	C.026	Phạm Minh	Dũng	16/10/1955	Phnompenh	8.0	7.0	9.0	7.0	
24		Phạm Lê Anh	Dũng	03/03/80	Tiền Giang	7.5	6.0	4.0	2.0	Trượt
25	C.029	Mạch Đại	Dương	10/01/1989	Tp. HCM.	5.0	6.0	4.0	3.0	Trượt
26	C.030	Nguyễn	Duyên	02/09/1984	Tp. HCM.	7.0	7.0	7.0	5.0	
27	C.031	Nguyễn Bùi Thu	Hà	17/08/1987	Hải Dương	7.5	7.0	5.0	5.0	
28	C.032	Ngô Thị Kim	Hạnh	01/06/1984	Tp. HCM.	6.5	7.0	5.0	4.0	
29	C.033	Nguyễn Hồng	Hạnh	05/01/1984	Tp. HCM.	6.5	5.0	7.0	4.0	
30	C.034	Lương Văn	Hậu	22/10/1983	Ninh Thuận	6.5	5.0	3.0	3.0	Trượt
31	C.035	Lý Thị Bích	Hiền	31/05/1973	Sài Gòn	7.5	7.0	4.0	5.0	
32	C.037	Nguyễn Ngọc	Hiếu	12/07/1985	Tp. HCM.	6.0	7.0	9.0	4.0	
33	C.039	Lý Anh	Hoàng	20/03/1982	Tp. HCM.	7.0	6.0	4.0	5.0	
34	C.043	Hoàng Thị	Hương	28/03/1970	Kim Lương	6.5	7.0	5.0	4.0	
35	C.044	Nguyễn Đức	Huy	14/02/1987	Tp.HCM	6.0	5.0	3.0	3.0	Trượt

S TT	MS SV	HỌ VÀ TÊN		NĂM SINH	NƠI SINH	TX.109				GHI CHÚ
						NGHE	NÓI	ĐỌC	VIẾT	
36	C.047	Huỳnh Ngọc Đăng	Khuê	30/06/89	Long An	8.0	8.0	5.0	6.0	
37	C.048	Lê Danh	Kiên	17/11/1987	Hà Nội	8.0	6.0	5.0	4.0	
38	C.050	Huỳnh Quốc	Kỳ	01/11/1982	An Giang	7.0	7.0	5.0	4.0	
39	C.052	Lê Sỹ Trần Hoàng	Lâm	10/05/1986	Tp. HCM.	5.0	8.0	4.0	5.0	
40	C.053	Nguyễn Thị	Lập	20/06/1987	Hải Dương	6.0	5.0	2.0	5.0	Trượt
41	C.054	Võ Thị Mỹ	Lệ	23/02/1988	Đồng Tháp	6.5	5.0	2.0	5.0	Trượt
42	C.055	Trần Thị Mai	Liều	05/02/1962	Cà Mau	6.0	5.0	7.0	5.0	
43	C.059	Trương Mỹ	Linh	17/08/1968	Tp. HCM.	7.5	6.0	6.0	6.0	
44	C.057	Lưu Thùy	Linh	03/10/1985	Vũng Tàu	6.0	7.0	5.0	6.0	
45	C.058	Nguyễn Thị Khánh	Linh	30/01/1981	Sóc Trăng	7.0	7.0	7.0	7.0	
46	C.061	Lê Thùy	Linh	20/03/1985	Vũng Tàu	6.0	7.0	5.0	6.0	
47	C.060	Trần Huệ	Linh	27/10/1988	Tp. HCM.	7.0	7.0	6.0	5.0	
48	C.056	Nguyễn Thị Cẩm	Linh	01/01/1984	Hà Nội	8.0	8.0	7.0	5.0	
49	C.063	Bùi Nguyễn Quỳnh	Loan	23/11/1983	Tp. HCM.	6.5	6.0	3.0	3.0	Trượt
50	C.062	Nguyễn Thị Mỹ	Loan	08/08/1983	Tp. HCM.	7.0	8.0	7.0	5.0	
51	C.066	Nguyễn Hữu	Lộc	22/02/1988	Đồng Nai	5.0	5.0	6.0	5.0	
52	C.067	Hồ Thị	Ly	13/02/1985	Bình Thuận	7.0	5.0	6.0	5.0	
53	C.070	Lâm Thị	Mai	20/06/1982	Nam Định	6.0	7.0	7.0	5.0	
54	C.069	Nguyễn Ngọc	Mai	03/02/1989	Bình Dương	6.0	8.0	7.0	6.0	
55	C.075	Phan Thị Tề	My	30/07/85	Long An	9.0	6.0	7.0	6.0	
56	C.073	Hoàng Trà	My	25/09/1981	Hà Nội	7.0	7.0	7.0	7.0	
57	C.074	Nguyễn Thị Hạ	My	08/06/1984	Bình Thuận	8.0	7.0	5.0	6.0	
58	C.077	Lâm Hoàng	Nam	.1973.	Sóc Trăng	6.0	6.0	4.0	5.0	
59	C.076	Lưu Duy	Nam	24/07/1982	Bà Rịa	6.0	8.0	5.0	5.0	
60	C.079	Phạm Thị Thanh	Nga	10/07/1981	Tp. HCM.	6.5	7.0	4.0	5.0	
61	C.081	Lê Hồng	Ngân	05/07/1985	Tây Ninh	6.5	6.0	6.0	5.0	
62	C.082	Nguyễn Thị Bảo	Ngọc	13/04/1989	Long An	6.0	7.0	5.0	5.0	
63	C.084	Phạm Nguyễn Hoàng I	Ngọc	10/09/1984	Bến Tre	6.5	7.0	5.0	4.0	
64	C.083	Tăng Khánh	Ngọc	29/08/1971	Sài Gòn	5.5	7.0	6.0	6.0	
65	C.086	Lê Hoài	Nhân	15/02/1985	Tiền Giang	6.5	6.0	4.0	3.0	Trượt
66	C.088	Lê Thị Yến	Nhi	08/05/1982	Tp. HCM.	6.5	7.0	6.0	5.0	
67	C.089	Phạm Ngọc	Nhuận	15/01/1976	Bến Tre	5.5	6.0	4.0	5.0	
68	C.091	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	19/04/1989	Sài Gòn	7.0	6.0	6.0	4.0	
69	C.096	Đỗ Duy	Phúc	05/12/1989	Tp. HCM.	6.0	6.0	6.0	6.0	
70	C.097	Tạ Văn Hữu	Phước	.1981.	Trà Vinh	6.0	5.0	6.0	4.0	
71	C.102	Nguyễn Thị Kim	Phượng	20/03/1988	Minh Hải	1.5	6.0	4.0	5.0	Trượt
72	C.103	Nguyễn Hữu	Quý	24/08/1982	Tây Ninh	6.5	5.0	4.0	5.0	
73	C.105	Hoàng Thị Bích	Quyên	19/10/1989	Sài Gòn	7.0	5.0	5.0	4.0	
74	C.106	Văn Thụy Thúy	Quỳnh	24/08/1988	Đồng Tháp	7.0	7.0	5.0	5.0	
75	C.108	Đỗ Thị Hồng	Sa	02/02/1982	Bến Tre	5.5	8.0	4.0	5.0	
76	C.167	Trần Vũ Giáng	Sinh	02/02/1990	Tp. HCM.	6.0	7.0	5.0	5.0	
77	C.112	Lê Bá	Tấn	03/03/1981	Tp.HCM	6.5	7.0	4.0	7.0	
78	C.113	Trần Quang	Thái	10/11/1979	Bình Định	3.0	6.0	4.0	4.0	Trượt

S TT	MS SV	HỌ VÀ TÊN		NĂM SINH	NƠI SINH	TX.109				GHI CHÚ
						NGHE	NÓI	ĐỌC	VIẾT	
79	C.117	Nguyễn Phạm Đan	Thanh	14/04/1985	Đồng Nai	7.5	6.0	6.0	6.0	
80	C.116	Nguyễn Thị Minh	Thanh	28/04/1985	Tp. HCM.	6.5	8.0	6.0	6.0	
81		Đoàn Thị Kim	Thanh	03/12/85	Bến Tre	8.0	6.0	5.0	5.0	
82	C.120	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	20/05/1986	Tp. HCM.	6.0	8.0	7.0	7.0	
83	C.121	Phạm Ngọc	Thi	04/12/1988	Tây Ninh	6.0	8.0	4.0	6.0	
84	C.122	Nguyễn Thị Vương	Thoa	20/03/1985	Phú Yên	6.5	6.0	5.0	5.0	
85	C.123	Nguyễn Thái	Thông	11/12/1983	Tp.HCM	6.0	6.0	4.0	2.0	Trượt
86	C.124	Huỳnh Thị Ngọc	Thu	03/04/1984	Bến Tre	1.0	5.0	4.0	3.0	Trượt
87	C.127	Nguyễn Thị Anh	Thư	27/08/1966	Đồng Tháp	6.5	6.0	4.0	5.0	
88	C.125	Hoàng Thị Anh	Thư	14/11/1972	Sài Gòn	6.5	7.0	4.0	5.0	
89	C.126	Nguyễn Anh	Thư	29/01/1983	Tp. HCM.	6.5	7.0	5.0	6.0	
90	C.130	Ngô Hồ Ngọc Anh	Thư	26/10/1986	Tp. HCM.	6.0	7.0	3.0	4.0	Trượt
91	C.128	Vũ Thị Minh	Thư	26/03/1979	Đồng Tháp	7.0	8.0	5.0	7.0	
92	C.131	Trần Thị Phúc	Thuân	19/12/1988	Tây Ninh	6.5	8.0	6.0	8.0	
93	C.133	Chu Minh	Thùy	15/09/1983	Hậu Giang	7.0	7.0	7.0	8.0	
94	C.134	Trương Trần	Thuyền	04/08/1989	Tp. HCM.	7.0	7.0	7.0	6.0	
95	C.137	Đinh Ngọc	Toản	27/04/1986	Bình Thuận	6.0	5.0	6.0	5.0	
96	C.138	Khổng Thị Thanh	Trà	03/01/1986	Bến Tre	5.0	6.0	6.0	6.0	
97	C.140	Lâm Huyền	Trân	11/04/1967	Sài Gòn	7.0	7.0	5.0	6.0	
98	C.139	Võ Thị Yến	Trân	09/06/1983	Long Xuyên	8.0	8.0	7.0	8.0	
99	C.144	Nguyễn Thị Huyền	Trang	27/08/1988	Hải Phòng	6.0	5.0	5.0	4.0	
100	C.142	Nguyễn Thị Thùy	Trang	16/02/1983	Tp. HCM.	5.0	6.0	5.0	4.0	
101	C.143	Nguyễn Thị	Trang	20/02/1988	Thái Bình	7.0	6.0	6.0	4.0	
102	C.145	Trần Thủy Quỳnh	Trang	09/01/1982	Hà Nội	7.0	7.0	7.0	4.0	
103	C.146	Kim Ngọc	Trí	02/09/1978	Trà Vinh	7.0	8.0	4.0	6.0	
104	C.149	Nguyễn Thị Tuyết	Trinh	20/11/1973	Sài Gòn	8.0	7.0	7.0	5.0	
105	C.148	Trần Trương Nguyệt	Trinh	02/04/1983	Đồng Nai	8.5	8.0	7.0	6.0	
106	C.151	Điêu	Tuấn	10/10/1984	Đồng Nai	7.0	8.0	4.0	6.0	
107	C.165	Đặng Quốc	Tuấn	18/01/1984	Đồng Nai	7.0	8.0	6.0	6.0	
108	C.154	Nguyễn Thanh	Tùng	03/04/1981	Thái Bình	6.0	7.0	6.0	4.0	
109	C.156	Chu Nữ Thảo	Uyên	10/03/1982	Bình Thuận	7.0	5.0	5.0	4.0	
110	C.159	Lâm Thị Thanh	Vân	07/05/1968	Sài Gòn	8.5	7.0	6.0	5.0	
111	C.161	Quách Đại	Vinh	07/02/1963	Tp. HCM.	5.0	5.0	5.0	5.0	
112	C.162	Nguyễn Xuân	Vy	25/10/1984	Tp. HCM.	7.5	7.0	5.0	5.0	
113	C.163	Trần Ngọc Đan	Vy	20/08/1989	Tp. HCM.	2.0	5.0	6.0	4.0	Trượt

Hà Nội, ngày tháng năm 2008

Người lập bảng

TL. Hiệu Trưởng

Phạm Minh Hoài

S TT	MS SV	HỌ VÀ TÊN	NĂM SINH	NƠI SINH	TX.109				GHI CHÚ
					NGHE	NÓI	ĐỌC	VIẾT	

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI
TRUNG TÂM ĐÀO TẠO TỪ XA

DANH SÁCH SINH VIÊN THI LAI HỌC PHẦN 1 - TX 109

Tổ chức tại: Số 25/84 Nguyễn Bình Khiêm, Quận.1, Tp.HCM

Ngày thi: 18/10/2008

[illegible]

S TT	MS SV	HỌ VÀ TÊN	NĂM SINH	NƠI SINH	TX.109				GHI CHÚ
					NGHE	NÓI	ĐỌC	VIẾT	

Người lập bảng

Hà Nội, ngày tháng năm 2008
TL. Hiệu Trưởng

Phạm Minh Hoài

Ghi chú
Trượt
Trượt
Trượt
Trượt
Trượt

